

Số: 164/BC-SCT

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường tỉnh Lạng Sơn tháng 8/2018

1. Tình hình thị trường

Trong tháng 8 năm 2018, giá cả các loại hàng hóa về cơ bản ổn định, hoạt động mua bán hàng hóa diễn ra bình thường, hàng hóa nhìn chung đa dạng, phong phú với nhiều chủng loại đã đáp ứng được nhu cầu mua sắm của nhân dân trên địa bàn tỉnh. Riêng đối với thịt gia cầm tương sống tăng chút ít do trong tháng 8 rơi vào đúng dịp rằm tháng 7 âm lịch nên nhu cầu mua sắm của nhân dân tăng và bên cạnh đó giá một số mặt hàng đồ dùng dụng cụ học tập cho học sinh chuẩn bị cho đầu năm học mới 2018-2019 cũng có dao động. Giá các loại mặt hàng lương thực, thực phẩm tươi sống, muối ăn, đường, sữa dùng cho trẻ em dưới 06 tuổi, điện, nước sinh hoạt, các loại, phân bón, giống cây trồng, xi măng, thép ở mức dao động tăng, giảm nhẹ không đáng kể; Giá cả của một số mặt hàng vào thời điểm khảo sát thực tế tại chợ Giếng Vuông và chợ Bờ Sông như: Bí xanh 10.000đồng/kg, Cải ngồng 20.000/kg, Chanh 15.000 đồng/kg; Rau ngót 5.000đồng/mớ; Khoai tây 15.000đồng/kg; Cà chua Đà Lạt 20.000/kg; Mướp đắng 15.000/kg; Dưa chuột 10.000đồng/kg; Mùng tơi 6.000 đồng/kg; Rau đay 5.000 đồng/mớ; Cải canh 7.000đồng/mớ; Cải bao 15.000đồng/kg; đu đủ 10.000đồng/kg; Cà rốt 15.000đồng/kg; Ngô ngọt 7.000đồng/bắp; Cá chép (nuôi) 65.000đồng/kg; cá trắm (đen) 80.000 đồng/kg; giá bán lẻ đường trên thị trường hiện nay giữ ở mức 22.500 đồng/kg; Gà giò (Gà làng) 120.000đồng/kg; Gà sống thối 150.000đồng/kg; Chôm chôm thái 60.000đồng/kg; Dưa vàng 20.000đồng/kg; Cam sành 30.000đồng/kg; Nhãn làng 18.000đồng/kg; Bưởi da xanh 55.000đồng/kg, Na dao động từ 30.000 - 50.000đồng/kg (*Tùy loại to nhỏ khác nhau*)

Chỉ số giá CPI chung toàn tỉnh tháng 8 năm 2018 tăng 0,64% so với tháng trước; tăng 3,95% so với cùng kỳ năm trước; tăng 2,08% so với tháng 12 năm trước. CPI bình quân 8 tháng năm 2018 so với cùng kỳ năm trước tăng 3,10%.

So với tháng trước trong 11 nhóm mặt hàng chính, có 8 nhóm hàng hóa tăng; Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,46%; Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,08%; Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,24%; Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,37%; Nhóm thiết bị đồ dùng gia đình tăng 0,05%; Nhóm giao thông tăng 0,12%; Nhóm giáo dục tăng 0,37%; Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,02%. Bên cạnh 08 nhóm tăng thì có 01 nhóm giảm: Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,48%. Còn lại 2 nhóm hàng hóa,

dịch vụ chỉ số giá ổn định không thay đổi so với tháng trước là nhóm thuốc và dịch vụ y tế; Nhóm bưu chính viễn thông.

Chỉ số nhóm đồ uống và, thuốc lá tăng so với tháng trước chủ yếu tăng ở mặt hàng nước uống tăng lực, nước giải khát có Ga, bia lon, thuốc lá tăng do nhu cầu của người dân.

Chỉ số giá CPI chung toàn tỉnh bình quân 8 tháng năm 2018, tăng 3,10% so với cùng kỳ năm trước, do ảnh hưởng của một số nhóm hàng sau: (1) Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,28%; (2) Nhóm may mặc, mũ nón, giày, dép tăng 3,54%; (3) Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 2,80%; (4) Nhóm hàng thiết bị đồ dùng gia đình tăng 2,64%; (5) Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 8,62%; (6) Nhóm giao thông tăng 7,24%; (7) Nhóm giáo dục tăng 7,70%; (8) Nhóm văn hóa giải trí và du lịch tăng 2,83%; (9) Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2,04%.

- Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,94% so với tháng trước.

- Chỉ số giá vàng giảm 1,20%. Chỉ số giá vàng bình quân tháng 8/2018 so với tháng trước giảm, do trong tháng giá vàng thế giới có nhiều biến động thị trường vàng trong nước giao dịch điều chỉnh giá tăng, giảm theo giá thị trường.

2. Diễn biến giá cả một số mặt hàng thiết yếu so với tháng trước tại thời điểm khảo sát(có biểu kèm theo)

- Giá Xăng, Dầu: Có Xu hướng tăng giảm theo thị trường thế giới.

- Giá Gas: ngày 31/8/2018 giá 300.000 đồng giảm 10.000 cho bình 12kg;

- Giá Vàng và ngoại tệ USD có tăng giảm;

+ Giá Vàng bán ra 3.675.000đ/ 1chỉ, giảm 11.000 đ/chỉ so với tháng trước;

+ USD bán ra 23.335 đ/1USD, tăng nhẹ 100 đ/1USD;

+ Giá đồng Nhân Dân Tệ (CNY) bán ra 3.458 đ/1CNY, giảm 02đ/1NDT so với tháng trước;

- Giá cả một số mặt hàng thiết yếu tháng 8/2018 trên địa bàn Tỉnh Lạng Sơn chi tiết như biểu kèm theo.

3. Dự báo diễn biến tình hình giá cả tháng tiếp theo

Dự báo trong tháng 9 các loại mặt hàng thiết yếu tương đối ổn định, không có sự đột biến về giá.

Nơi nhận:

- Vụ TTTN - Bộ Công Thương (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Sở CT một số tỉnh (trao đổi);
- Lãnh đạo Sở;
- TTKC&XTTM (đăng trên Website TMĐT);
- Phòng KHTC-TH;
- VP Sở (đăng trên Website Sở Công Thương);
- Lưu: VT, QLTM.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Hải

GIÁ BÁN LẺ MỘT SỐ MẶT HÀNG THIẾT YẾU

(Kèm theo Báo cáo số: 164/BC-SCT ngày 31/8/2018 của SCT Lạng Sơn)

STT	Mặt hàng	ĐVT	Giá Tháng trước	Tháng báo cáo	Tăng(+) giảm (-)
1	Điện sinh hoạt				
	+ Từ 0-100Kw	đ/kw	1.418	1.418	
	+ Từ 101-150Kw	đ/kw	1.622	1.622	
2	Than tổ ong	đ/viên	2.500	2.500	
3	Thép tròn φ6, φ8	đ/kg	11.550	11.550	
4	Xi măng				
	- Xi măng Lạng Sơn PCB30	đ/tấn	1.000.000	1.000.000	
	- Xi măng Hoàng Thạch PCB30	đ/tấn	1.475.000	1.475.000	
	- Sỏi Xây dựng	đ/khối	150.000	150.000	
	- Cát Xây	đ/khối	240.000	240.000	
	- Cát vàng	đ/khối	350.000	350.000	
	- Cát chất	đ/khối	170.000	170.000	
5	Giá xăng dầu				
	- Xăng A95	đ/lít	21.590	21.590	
	- Xăng E5	đ/lít	20.000	20.000	
	- Dầu Diezen 0.05%	đ/lít	17.580	18.030	+ 450
	- Gas Hanoi Petro bình 12 kg	đ/bình	310.000	310.000	
6	Phân bón				
	- Phân URE(Ninh Bình)	đ/kg	7.400	7.400	
	- Phân NPK(Bắc Giang)	đ/kg	7.400	7.400	
	-Phân URE(Hà Bắc)	đ/kg	7.400	7.400	
7	Vở học sinh (48 trang)	đ/quyển	9.000	10.000	+ 1.000
8	Đường	đ/kg	21.500	21.500	
9	Sữa đậu nành Fami nguyên chất	đ/lít	17.200	17.200	
	Sữa đặc hộp 300-400g nhãn Ông Thọ - Vinamilk	đ/hộp	27.500	27.500	
	Sữa bột Nuti IQ Step 4HG 400G/24	đ/hộp	66.000	66.000	
	Bột ăn dặm RiDielac 200g (heo bơ)	đ/hộp	48.500	48.500	
	Dielac alpha Step 3 HT 900g/12	đ/hộp	148.000	148.000	
	Sữa bột hộp sắt 400g, nhãn	đ/hộp	319.000	319.000	

	ENSURE				
10	Muối I ốt tinh	950g	7.500	7.500	
11	Lương thực, thực phẩm				
	- Gạo tẻ thường	đ/kg	20.000	20.000	
	- Gạo tẻ thường (gạo Bao thai thường)	đ/kg	18.000	18.000	
	- Gạo nếp cái hoa vàng	đ/kg	25.000	25.000	
	- Thịt lợn hơi	đ/kg	55.000	55.000	
	- Mỡ khô	đ/kg	90.000	80.000	- 10.000
	- Thịt ba chỉ	đ/kg	90.000	110.000	+ 20.000
	- Thịt mông, vai	đ/kg	80.000	85.000	+ 5.000
	- Thịt chân giò	đ/kg	70.000	75.000	+ 5.000
	- Thịt lợn mông sấn	đ/kg	80.000	85.000	+ 5.000
	- Thịt thủ	đ/kg	50.000	50.000	
	- Mỡ lợn	đ/kg	70.000	70.000	
	- Thăn bò	đ/kg	280.000	290.000	+ 10.000
	- Bắp bò	đ/kg	320.000	320.000	
	- Thăn bò	đ/kg	280.000	280.000	
	- Nạm	đ/kg	180.000	180.000	
	- Sườn lợn	đ/kg	100.000	100.000	
	- Cá chép (Nuôi)	đ/kg	65.000	65.000	
	- Cá trắm (đen)	đ/kg	65.000	65.000	
	- Gà giò	đ/kg	130.000	140.000	+ 10.000
	- Gà Sồng Thiên	đ/kg	150.000	160.000	+ 10.000
12	Thức ăn chăn nuôi tổng hợp				
	- Cám gà	đ/kg	13.000	13.000	
	- Cám Lợn	đ/kg	19.000	19.000	
	- Ngô hạt	đ/kg	8.500	8.500	
13	Vàng SJC	đ/chỉ	3.686.000	3.675.000	- 11.000
14	Đồng USD	đ/USD	23.235	23.335	+ 100
15	Đồng Nhân Dân Tệ (CNY)	đ/CNY	3456	3458	+ 02
16	Thuốc chữa bệnh: So với tháng trước mặt bằng giá các loại thuốc chữa bệnh sản xuất trong nước luôn dao động không đáng kể.				